

Số: 293/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2025 đã quyết định tại Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024, Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025 đã quyết định tại Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 30**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1710-QĐ/TU ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế chính quyền địa phương tỉnh Quảng Ninh năm 2025; Quyết định số 2377-QĐ/TU ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, giao biên chế chính quyền địa phương tỉnh Quảng Ninh năm 2025;

Xét Tờ trình số 3128/TTr-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết điều chỉnh biên chế công

chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2025 đã quyết định tại Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024, Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025 đã quyết định tại Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 414/BC-UBND tỉnh ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025 đã được quyết định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã; phê duyệt bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2025 và khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã giao tại Nghị quyết số 239/NQ-HĐND, như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh: **5.016** (Phụ lục I kèm theo).

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: **23.845** (bao gồm cả 825 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập được Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung).

Điều 2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 239/NQ-HĐND về việc quyết định **81** định biên cho các hội có tính chất đặc thù.

Điều 3. Điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đã được quyết định tại Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: **1.766** (Phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế, hợp đồng lao động theo đúng quy định hiện hành; triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về rà soát, sắp xếp biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ bảo đảm hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp liên thông, không gián đoạn, hiệu lực và hiệu quả, đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tiễn; thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương và lộ trình của tỉnh. Sử dụng có hiệu quả số lượng hợp đồng lao động được giao, bảo đảm bố trí đủ giáo viên đứng lớp, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, kịp thời hướng dẫn thanh tra, kiểm tra việc triển khai ký kết hợp đồng lao động theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./*ngau*

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh;
- Lưu: VT, HĐ4. *h*

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

Phụ lục I

Điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **293**/NQ-HĐND ngày **11**/9/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức năm 2025 (sau khi điều chỉnh)
	Tổng cộng (I+II+III)	5.016
I	Các sở, ban, ngành	1.904
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	36
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	68
3	Ban An toàn giao thông	5
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	45
5	Sở Ngoại vụ	25
6	Sở Tư pháp	31
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	57
8	Sở Y tế	84
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo	25
10	Sở Công Thương	151
11	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67
12	Sở Tài chính	116
13	Sở Khoa học và Công nghệ	58
14	Sở Xây dựng	121
15	Sở Nội vụ	95
16	Sở Nông nghiệp và Môi trường	411
17	Thanh tra tỉnh	140
18	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	369
II	Các xã, phường, đặc khu	2.774
1	Phường Tuần Châu	43
2	Phường Việt Hưng	44
3	Phường Bãi Cháy	43
4	Phường Hà Tu	43
5	Phường Hà Lâm	43
6	Phường Cao Xanh	43



STT	Tên đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức năm 2025 (sau khi điều chỉnh)
7	Phường Hồng Gai	44
8	Phường Hạ Long	44
9	Phường Hoàng Bồ	48
10	Xã Quảng La	44
11	Xã Thống Nhất	46
12	Xã Hải Sơn	43
13	Xã Hải Ninh	43
14	Xã Vĩnh Thục	43
15	Phường Móng Cái 1	61
16	Phường Móng Cái 2	48
17	Phường Móng Cái 3	43
18	Phường Yên Tử	48
19	Phường Vàng Danh	53
20	Phường Uông Bí	66
21	Phường Mông Dương	46
22	Phường Quang Hanh	59
23	Phường Cẩm Phả	69
24	Phường Cửa Ông	63
25	Xã Hải Hòa	40
26	Phường An Sinh	51
27	Phường Đông Triều	68
28	Phường Bình Khê	41
29	Phường Mạo Khê	72
30	Phường Hoàng Quế	48
31	Phường Đông Mai	43
32	Phường Hiệp Hòa	42
33	Phường Quảng Yên	46
34	Phường Hà An	42
35	Phường Phong Cốc	47
36	Phường Liên Hòa	52
37	Xã Tiên Yên	42
38	Xã Điền Xá	44



STT	Tên đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức năm 2025 (sau khi điều chỉnh)
39	Xã Đông Ngũ	43
40	Xã Hải Lăng	43
41	Xã Hoành Mô	43
42	Xã Lục Hồn	43
43	Xã Bình Liêu	41
44	Xã Lương Minh	43
45	Xã Kỳ Thượng	43
46	Xã Ba Chẽ	53
47	Xã Quảng Tân	62
48	Xã Đàm Hà	69
49	Xã Cái Chiên	32
50	Xã Quảng Hà	57
51	Xã Đường Hoa	45
52	Xã Quảng Đức	48
53	Đặc khu Vân Đồn	201
54	Đặc khu Cô Tô	60
III	Dự phòng	338

Nhau

Phụ lục II

Điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 293/NQ-HĐND ngày 11 /9/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Số lượng hợp đồng lao động
	Tổng cộng (I+II)	1.766
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	170
II	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	1.596
1	Phường Tuần Châu	24
2	Phường Việt Hưng	57
3	Phường Bãi Cháy	50
4	Phường Hà Tu	29
5	Phường Hà Lâm	49
6	Phường Cao Xanh	29
7	Phường Hồng Gai	75
8	Phường Hạ Long	62
9	Phường Hoành Bồ	34
10	Xã Quảng La	22
11	Xã Thống Nhất	35
12	Xã Hải Sơn	19
13	Xã Hải Ninh	24
14	Xã Vĩnh Thục	21
15	Phường Móng Cái 1	88
16	Phường Móng Cái 2	46
17	Phường Móng Cái 3	35
18	Phường Yên Tử	58
19	Phường Vàng Danh	20
20	Phường Uông Bí	42
21	Phường Mông Dương	17
22	Phường Quang Hanh	35
23	Phường Cẩm Phả	51
24	Phường Cửa Ông	45



STT	Tên đơn vị, địa phương	Số lượng hợp đồng lao động
25	Xã Hải Hòa	5
26	Phường An Sinh	28
27	Phường Đông Triều	43
28	Phường Bình Khê	20
29	Phường Mạo Khê	46
30	Phường Hoàng Quế	34
31	Phường Đông Mai	17
32	Phường Hiệp Hòa	41
33	Phường Quảng Yên	20
34	Phường Hà An	31
35	Phường Phong Cốc	28
36	Phường Liên Hòa	37
37	Xã Tiên Yên	8
38	Xã Điền Xá	9
39	Xã Đông Ngũ	13
40	Xã Hải Lạng	6
41	Xã Hoành Mô	6
42	Xã Lục Hồn	12
43	Xã Bình Liêu	25
44	Xã Lương Minh	5
45	Xã Kỳ Thượng	11
46	Xã Ba Chẽ	15
47	Xã Quảng Tân	22
48	Xã Đầm Hà	29
49	Xã Cái Chiên	2
50	Xã Quảng Hà	32
51	Xã Đường Hoa	21
52	Xã Quảng Đức	14
53	Đặc khu Vân Đồn	35
54	Đặc khu Cô Tô	14

